

Số: 02/2015/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 19 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND tỉnh Ban hành quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật Đầu tư năm 2005; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 108/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 69/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 37/TTr-SKHĐT ngày 14/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi một số nội dung

1.1. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi như sau

“2. Ưu đãi miễn, giảm tiền sử dụng đất

a) Nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư đó.

b) Nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.”

1.2. Khoản 4 Điều 3 được sửa đổi như sau

“4. Ưu đãi miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước (bao gồm cả diện tích đất xây dựng nhà ở công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ lợi ích công cộng) kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động đối với dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư.

c) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. Trường hợp người thuê đất sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thời gian xây dựng cơ bản vườn cây được miễn tiền thuê đất áp dụng đối với từng loại cây thực hiện theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định. Việc miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện theo dự án gắn với việc Nhà nước cho thuê đất mới, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất, không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh và tái canh vườn cây trên diện tích đất đang được Nhà nước cho thuê.

d) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản như sau:

- Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư;
- Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư khác.”

1.3. Điều 4 được sửa đổi như sau

“Điều 4. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Thuế suất ưu đãi

a) Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn tỉnh.

b) Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới.

c) Hết thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi, nhà đầu tư phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

2. Miễn thuế, giảm thuế

Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn tỉnh.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Trường hợp, trong kỳ tính thuế đầu tiên mà dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế dưới 12 (mười hai) tháng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư mới ngay kỳ tính thuế đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo.”

1.4. Khoản 3 Điều 13 được sửa đổi như sau

“3. Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 4 như sau:

a) Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế là dự án thực hiện lần đầu hoặc dự án đầu tư độc lập với dự án đang thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi hoặc miễn, giảm thuế); trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa chi phí được trừ hoặc doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng chi phí được trừ hoặc doanh thu của doanh nghiệp.

c) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với doanh nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.”

1.5. Mục III, phụ lục Danh mục Dự án ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu được sửa đổi như sau

“III. Dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư

1. Trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu.
2. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến. Xây dựng cánh đồng lớn.
3. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
5. Ứng dụng công nghệ sinh học; công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
6. Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.
7. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu.
8. Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản.
9. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
10. Sản xuất hàng thủ công; sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.
11. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước.
12. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp.
13. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.
14. Xây dựng chợ nông thôn.
15. Sản xuất máy, thiết bị, chất phụ gia, phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, máy chế biến thực phẩm.
16. Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y ở vùng nông thôn.
17. Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản ở vùng nông thôn.”

2. Bổ sung một số nội dung như sau

2.1. Bổ sung các Khoản 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 vào sau Khoản 5 Điều 7 như sau

“6. Hỗ trợ phát triển thị trường

Nhà đầu tư có dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thì được: Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước;

được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước.

7. Tổng các khoản hỗ trợ: Hỗ trợ phát triển thị trường (*quy định tại Khoản 6*) và hỗ trợ đào tạo lao động (*quy định tại Khoản 1 Điều này*) cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng. Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, các hỗ trợ này được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ

Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án, hoặc doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án; được hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

Các khoản hỗ trợ đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại nội dung này được lấy từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và từ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

9. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị đối với Dự án có công suất giết mổ một ngày đêm như sau:

(1) Từ 200 con gia súc đến dưới 400 con gia súc; Hoặc từ 2.000 con gia cầm đến dưới 4.000 con gia cầm; Hoặc từ 100 đến dưới 200 con gia súc và từ 1.000 đến dưới 2.000 con gia cầm: Mức hỗ trợ 1 tỷ đồng/dự án.

(2) Từ 400 con gia súc; Hoặc 4.000 con gia cầm; Hoặc 200 gia súc và 2.000 con gia cầm: Mức hỗ trợ 2 tỷ đồng/dự án. Đối với các dự án có công suất giết mổ lớn hơn so với quy định nêu trên thì mức hỗ trợ được tăng tương ứng.

- Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì dự án còn được hỗ trợ thêm 70% chi phí và không quá 2,5 tỷ đồng đối với dự án thuộc mục (1), không quá 5 tỷ đồng đối với dự án thuộc mục (2) nêu trên.

b) Điều kiện để Dự án được hưởng các khoản hỗ trợ gồm:

- Nằm trong khu quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Dự án sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

10. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc có quy mô nuôi tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị đối với dự án có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung như sau:

(1) Từ 500 con đến dưới 1.000 con đối với lợn thịt hoặc từ 250 con đến dưới 500 con đối với trâu, bò, dê: Mức hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/dự án;

(2) Từ 1.000 con trở lên đối với lợn thịt; hoặc từ 500 con trở lên đối với trâu, bò, dê; hoặc từ 200 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại; hoặc từ 500 con đối với bò sữa cao sản: Mức hỗ trợ 3 tỷ đồng/dự án. Riêng đối với chăn nuôi bò sữa cao sản mức hỗ trợ là 5 tỷ đồng/dự án.

- Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án dự án còn được hỗ trợ 70% chi phí và không quá 2,5 tỷ đồng đối với dự án thuộc mục (1), không quá 5 tỷ đồng đối với dự án thuộc mục (2) nêu trên.

- Hỗ trợ không quá 40% chi phí nhập giống gốc cao sản vật nuôi; hỗ trợ nhập bò sữa giống từ các nước phát triển cho doanh nghiệp nuôi trực tiếp và nuôi phân tán trong các hộ gia đình là 15 triệu đồng/con (có thể lập dự án riêng).

b) Điều kiện để Dự án được hưởng các khoản hỗ trợ gồm:

- Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Dự án sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

11. Hỗ trợ trồng cây dược liệu, cây mắc ca

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 15 triệu đồng/ha để xây dựng đồng ruộng, cây giống đối với dự án trồng cây dược liệu, cây Mắc ca có quy mô từ 50 ha trở lên.

b) Hỗ trợ xây dựng cơ sở sản xuất giống cây Mắc ca có quy mô:

- Từ 250.000 đến dưới 500.000 cây giống/năm: Mức hỗ trợ tối đa là 70% chi phí đầu tư/cơ sở và không quá 1 tỷ đồng.

- Từ 500.000 cây giống/năm trở lên: Mức hỗ trợ tối đa là 70% chi phí đầu tư/cơ sở và không quá 2 tỷ đồng.

c) Điều kiện để Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ gồm:

- Dự án đầu tư phải nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Cây được liệt kê trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế.

- Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

12. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, sấy phụ phẩm thủy sản

a) Hỗ trợ 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Điều kiện để Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ gồm:

- Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn phải đạt tối thiểu 150 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

- Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

- Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu lúa, ngô, khoai, sắn, phụ phẩm thủy sản tại địa phương.

13. Hỗ trợ đầu tư chế biến gỗ rừng trồng

a) Nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ rừng trồng; tre công nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ đầu tư 20 tỷ đồng/nhà máy sản xuất gỗ MDF quy mô trên 30.000 m³ MDF/năm trở lên; Hỗ trợ đầu tư 10 tỷ đồng/nhà máy đối với các nhà máy chế biến ván dăm, tre ép công nghiệp có quy mô trên 20.000 m³ trở lên để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và xử lý chất thải.

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm với mức 1.500 đồng/tấn/km; khoảng cách được tính từ địa điểm đặt nhà máy đến trung tâm thành phố Hà Nội theo đường ô tô gần nhất; khối lượng vận chuyển tính theo hàng hóa thực tế vận chuyển; thời gian tính hỗ trợ là 5 năm.

b) Điều kiện để Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ gồm:

- Dự án được chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

- Các nhà máy sản xuất ván MDF, ván dăm phải kết hợp với sản xuất ván sàn, ván thanh, ván ghép thanh, ván ép; sản lượng của sản phẩm kết hợp này được tính vào công suất hỗ trợ vận chuyển.

- Thiết bị được sản xuất tại các nước phát triển và các nước đang phát triển phải mới 100%. Nhà máy không được dời địa bàn tỉnh trong vòng 20 năm.

- Diện tích rừng trồng và nguyên liệu hiện có trên địa bàn tỉnh phải đủ cho nhà máy hoạt động tối thiểu 60% công suất trong 5 năm đầu tiên. Dự án phải sử dụng tối thiểu 30% lao động địa phương.

- Tổng công suất thiết bị thực tế của các nhà máy được hỗ trợ vận chuyển không quá 200.000 tấn trên địa bàn tỉnh.

- Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

14. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất sản phẩm phụ trợ; chế tạo thiết bị cơ khí để bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ không quá 60% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

- Hỗ trợ không quá 70% chi phí xử lý chất thải cho các nhà máy chế biến nông, lâm, thủy sản quy mô lớn, đã đầu tư, sử dụng nhiều lao động, có tác động lớn đến kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm với mức 1.500 đồng/tấn/km; khoảng cách hỗ trợ được tính từ địa điểm đặt nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến đến thành phố Lai Châu theo đường ô tô gần nhất; khối lượng vận chuyển tính theo hàng hóa thực tế vận chuyển; hỗ trợ một lần ngay sau khi hoàn thành đầu tư; thời gian tính hỗ trợ là 5 năm.

- Nếu dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ thêm 70% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng các hạng mục nêu trên (có thể lập dự án riêng).

b) Điều kiện để Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ gồm:

- Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

- Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và quy mô công suất tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban Nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

- Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Điều này.

- Dự án phải sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu nông lâm thủy sản chính tại địa phương.”

2.2. Bổ sung Khoản 6, 7, 8 vào sau Khoản 5 Điều 13 như sau

“6. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

- Nhà đầu tư khi xây dựng vùng nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên trước xem xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

- Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

- Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách quy định tại Quyết định này.

7. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư

Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Quyết định này bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án và ngân sách địa phương. Cụ thể:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ngân sách tỉnh: Hàng năm dành từ 2% đến 5% ngân sách tỉnh để thực hiện hỗ trợ.

8. Cơ chế hỗ trợ đầu tư

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho dự án có mức cần hỗ trợ trên 2 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án còn lại (dưới 2 tỷ đồng), gồm cả những dự án lớn hơn 2 tỷ đồng nhưng không sử dụng ngân sách trung ương, dự án có mức áp dụng trần thấp hơn so với quy định tại Nghị định 210/2013/NĐ-CP.

- Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư; khi hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án hoàn thành thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục, gói thầu; sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.”

3. Bãi bỏ Khoản 2 “Hỗ trợ cước phí vận tải” Điều 7.

Điều 2. Căn cứ các quy định hiện hành, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung khác quy định tại Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, chứng nhận ưu đãi đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được hưởng các mức ưu đãi theo quy định tại Quyết định này cho thời gian còn lại. Đối với các khoản ưu đãi, hỗ trợ khác của dự án đã được chứng nhận mà chưa được hưởng thì áp dụng theo quy định của Quyết định này.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp; Cục kiểm tra văn bản QPPL;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PT- TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, CV, TH-CB;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chử